

Số: *117* /ĐA-PHVL

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 8 năm 2021

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh Đại học năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh - Phân hiệu Vĩnh Long (Mã đăng ký xét tuyển: KSV)

Căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định 849/QĐ-BGDĐT ngày 26/03/2020 của Bộ GD&ĐT về cho phép tổ chức hoạt động đào tạo của Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh - Phân hiệu Vĩnh Long;

Căn cứ Phương án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long xây dựng đề án tuyển sinh đại học năm 2021 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.1. Tên Trường:

Tên trường: Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, gọi tắt là **UEH - Phân hiệu Vĩnh Long**.

Tên Tiếng Anh: University of Economics Ho Chi Minh City – Campus in Vinh Long.

Mã đăng ký xét tuyển: KSV

1.2. Sứ mạng của trường:

UEH - Phân hiệu Vĩnh Long ra đời nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thực hiện nghiên cứu và chuyển giao khoa học trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn giảng viên cho vùng.

1.3. Địa chỉ:

- Trụ sở chính: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Các cơ sở học tập và làm việc của Phân hiệu:

+ Cơ sở số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Cơ sở xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Phân hiệu:

- Website: www.vinhlong.ueh.edu.vn

- Cổng thông tin tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

hoặc <https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/>

2. Quy mô đào tạo: Tính đến 31/12/2020

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo			Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành V	Khối ngành VII	
I	Chính quy				
1	Sau đại học				
1.1	Tiến sĩ				
1.2	Thạc sĩ				
2	Đại học				
2.1	Chính quy				
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên	2			
2.1.1.1	Kinh tế			9	9
2.1.1.2	Quản trị kinh doanh	55			55
2.1.1.3	Marketing	0			0
2.1.1.4	Tài chính - Ngân hàng	45			45
2.1.1.5	Kế toán	56			56
2.1.1.6	Kinh doanh nông nghiệp		0		0
2.1.1.7	Thương mại điện tử	0			0
2.1.1.8	Ngôn ngữ Anh			0	0
2.1.1.9	Kinh doanh quốc tế	52			52
2.1.1.10	Luật kinh tế	0			0
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên				
2.1.2.11	Hệ thống thông tin quản lý	13			13
2.1.2.12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			0	0
2.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy				
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy				
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên				
II	Vừa làm vừa học				
1	Đại học				
1.1	Vừa làm vừa học				
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học				
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học				
1.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên				
2	Cao đẳng ngành giáo dục mầm non				
III	Đào tạo từ xa				

3. Thông tin tuyển sinh ĐHCQ gần nhất: Thông tin tuyển sinh ĐHCQ năm 2020

3.1. Phương thức tuyển sinh của năm gần nhất:

- Năm 2020, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – Phân hiệu Vĩnh Long đã xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường và xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi trung học phổ thông (THPT).

3.2. Điểm trúng tuyển của năm gần nhất năm 2020

TT	Ngành	Mã đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu	SL nhập học	Điểm trúng tuyển THPT
1	Ngành Kinh tế Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07	7310101_01	25	9	16.00
2	Ngành Quản trị kinh doanh Chuyên ngành Quản trị Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07	7340101_03	70	55	16.00
3	Ngành Kinh doanh quốc tế Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07	7340120_01	60	52	16.00
4	Ngành Tài chính - Ngân hàng Chuyên ngành Ngân hàng Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07	7340201_01	50	45	16.00
5	Ngành Kế toán Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07	7340301_01	70	56	16.00
6	Ngành Hệ thống thông tin quản lý (*) Chuyên ngành Thương mại điện tử Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07 * Điểm bài thi Toán hệ số 2	7340405_01	25	14	16.00
	Tổng		300	230	

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Tên tài sản cố định	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH (m ²)
Phân hiệu Vĩnh Long Số 01B Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	15.172	9.565,4	5.018
Phân hiệu Vĩnh Long Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	14.370,2	/	/
Tổng	29.454,2	9.565,4	5.018

Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 350 chỗ (vệ sinh khép kín, wifi phủ sóng, căn tin, khu thể thao dành cho SV, hệ thống máy giặt, máy sấy tự phục vụ,...).

2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Phòng thực hành	4	340
2.	Xưởng thực tập	0	0
3.	Nhà tập đa năng	2	268
4.	Hội trường	3	859

3. Thống kê phòng học

STT	Tên	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Phòng thực hành	4	340
2.	Xưởng thực tập	0	0
3.	Nhà tập đa năng	2	268
4.	Hội trường	3	859
5.	Phòng học	32	2.216
6.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	696
7.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	163
8.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	32	2.216
9.	Phòng học đa phương tiện	0	0
10.	Thư viện	1	206
11.	Các phòng chức năng khác	28	1.129
Tổng cộng		70	5.018

Tất cả phòng học được trang bị bục giảng thông minh, kết nối mạng Internet phục vụ giảng dạy với đường truyền tốc độ cao, hệ thống máy điều hòa,...

4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện.

Nhóm ngành đào tạo	Loại tài liệu	Số lượng
Nhóm ngành III, VII	Sách (phục vụ học tập và nghiên cứu)	
	Tiếng Việt	7.047 nhan đề / 39.545 quyển
	Sách ngoại văn (Anh, Pháp, Nhật...)	6.574 nhan đề / 12.483 quyển
	Tài liệu nội sinh (bản in)	
	Luận văn thạc sĩ	11.133 quyển
	Luận án tiến sĩ	292 quyển
	Công trình nghiên cứu khoa học	423 quyển
	Cơ sở dữ liệu điện tử ngoại sinh (tiếng Anh)	
	eBook Academic Collection (eBooks)	298.396 eBooks
eBook Business Collection (eBooks)	131.016 eJournals	

Nhóm ngành đào tạo	Loại tài liệu	Số lượng
	eBook Harvard Business Publishing Collection (eBooks)	
	eBook University Press Collection (eBooks)	
	ProQuest Ebook Central (eBooks)	
	iG Library (eBooks)	
	Academic Search Complete (eJournals)	
	Business Source Complete (eJournals)	
	Hospitality & Tourism Complete (eJournals)	
	Legal Source (eJournals)	
	ScienceDirect (eJournals)	
	133 CSDL mở (eBooks + eJournals)	
	02 CSDL thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam (khối ngành kinh tế): Emerald Insight, SAGE Journals	
	Cơ sở dữ liệu nội sinh điện tử: gồm các công bố quốc tế, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu hội thảo, bài báo thuộc tạp chí JABES của UEH (Journal of Asian Business and Economic Studies).	16.033 nhan đề

5. Danh sách giảng viên cơ hữu (chi tiết phụ lục 1 đính kèm)

Đơn vị tính: Người

TT	Đội ngũ	Số lượng	Quy đổi	Quy mô đào tạo ĐHCQ tối đa (chung khối ngành III, VII là 25 SV/GV)
I.	Giảng môn chung	8		
1	Thạc sĩ	2		
2	Cử nhân	6		
II.	Ngành/ Chuyên ngành	53		
1	Tiến sĩ	3	6	150
2	Thạc sĩ; trong đó:	47	47	1.175
	Đang học nghiên cứu sinh	7		-
3	Cử nhân; trong đó:	3	0,9	22
	Đang học cao học	3	-	-
	Tổng cộng:	61	57,7	1.347

6. Danh sách giảng viên thỉnh giảng từ cơ sở chính: Chưa có nhu cầu huy động.

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học Chương trình Chuẩn.

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT có nguyện vọng ĐKXT vào Trường ĐH Kinh tế TP.HCM - Phân hiệu Vĩnh Long. Cụ thể:

- *Đối tượng 1:* Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- *Đối tượng 2:* Thí sinh là học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2021.

- *Đối tượng 3:* Thí sinh có quá trình học tập theo tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên tính cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

- *Đối tượng 4:* Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2021, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- *Đối tượng 5:* Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH – Phân hiệu Vĩnh Long, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- *Đối tượng 6:* Thí sinh thỏa 03 điều kiện sau:

+ Thí sinh không trúng tuyển phương thức tuyển sinh khác đã tuyển sinh của Trường;
+ Thí sinh đủ điều kiện dự thi đợt 2 Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và có nguyện vọng được đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT, đang ở nơi thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ hoặc nơi bị phong tỏa hoặc thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo yêu cầu phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Thí sinh có kết quả quá trình học tập từng năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 từ 6.5 trở lên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

1.2.1 Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành: Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Anh.

1.2.2 Các ngành khác: Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long).

1.3. Phương thức tuyển sinh

* Tên Trường: **Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – Phân hiệu Vĩnh Long**

* Mã Trường: **KSV**

* Các phương thức xét tuyển: Có 6 phương thức tuyển sinh sau

1.3.1. Phương thức Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ GD&ĐT (chỉ tiêu 1% theo ngành)

Theo quy định tại các Điểm a, b, c, e, g, h, i Khoản 2 Điều 7 trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, cụ thể nội dung các Điểm như sau:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên

xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sẽ căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

f) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường đại học, cao đẳng Việt Nam: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ (gọi chung diện 30a); Điều kiện nộp đơn xét tuyển thẳng vào trường: Kết quả học sinh Giỏi các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quy định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

1.3.2. Phương thức Xét tuyển học sinh Giỏi

Chỉ tiêu	10% chỉ tiêu của từng chuyên ngành
Đối tượng, điều kiện	Học sinh có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2021.
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên (Phụ lục III : Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế). + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (Phụ lục II : Danh sách các trường THPT chuyên, năng khiếu)

Lưu ý: Xếp loại học lực căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 1A: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của phương thức xét tuyển học sinh Giỏi

	Điểm quy đổi xét tuyển theo ĐTB học lực năm lớp 10, 11, HK1-lớp 12				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu		
					IELTS (Academic)								Lớp		
	ĐTB học lực	DQĐ Lớp 10	DQĐ Lớp 11	DQĐ HK1-Lớp 12	6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)	Ba	Nhì	Nhất	10	11	12
Điểm quy đổi (DQĐ)	8.00 - 8.49	17	17	12	12	14	16	18	20	10	15	20	2	2	1
	8.50 - 8.99	18	18	13											
	9.00 - 9.49	19	19	14											
	9.50 - 10.0	20	20	15											

Lưu ý: Điểm trung bình học lực được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

1.3.3. Phương thức Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn dựa trên học bạ

Chỉ tiêu	40% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT. Ví dụ: Học sinh chọn tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học để đăng ký xét tuyển phải thỏa điều kiện: + ĐTB tổ hợp A00 lớp 10 = [(Toán 10 + Vật lý 10 + Hóa học 10)/3] \geq 6.50 + ĐTB tổ hợp A00 lớp 11 = [(Toán 11 + Vật lý 11 + Hóa học 11)/3] \geq 6.50 + ĐTB tổ hợp A00 HK1_lớp 12 = [(Toán 12+ Vật lý 12 + Hóa học 12)/3] \geq 6.50

Cách xét tuyển	<p>Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc:</p> <p>- Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (<i>thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn</i>).</p> <p>- Tiêu chí không bắt buộc:</p> <p>+ Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên (Phụ lục III: Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế).</p> <p>+ Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học.</p> <p>+ Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (Phụ lục II: Danh sách các trường THPT chuyên, năng khiếu)</p>
-----------------------	--

Lưu ý: Không sử dụng tổ hợp D96, V00 trong Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn.

Bảng 2A: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

	Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký năm lớp 10, 11 và HK1-lớp 12				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu		
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ HK1-Lớp 12	IELTS (Academic)					Ba	Nhì	Nhất	Lớp		
					6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)				10	11	12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	6.50 - 6.99	14	14	9	12	14	16	18	20	10	15	20	2	2	1
	7.00 - 7.49	15	15	10											
	7.50 - 7.99	16	16	11											
	8.00 - 8.49	17	17	12											
	8.50 - 8.99	18	18	13											
	9.00 - 9.49	19	19	14											
9.50 - 10.00	20	20	15												

Lưu ý: Điểm trung bình tổ hợp môn được làm tròn đến hai chữ số thập phân

1.3.4. Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực năm 2021

Chỉ tiêu	2% chỉ tiêu ngành
Điều kiện	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2021, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM)

1.3.5. Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu còn lại
Đối tượng, điều kiện	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH – Phân hiệu Vĩnh Long.

1.3.6. Phương thức Xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021

Chỉ tiêu	5 chỉ tiêu/ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	<ul style="list-style-type: none"> + Thí sinh không trùng tuyển phương thức tuyển sinh khác đã tuyển sinh của Trường; + Thí sinh đủ điều kiện dự thi đợt 2 Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và có nguyện vọng được đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT, đang ở nơi thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ hoặc nơi bị phong tỏa hoặc thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo yêu cầu phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; + Thí sinh có kết quả quá trình học tập từng năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 từ 6.5 trở lên.
Cách xét tuyển	<p>Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021). - Tiêu chí không bắt buộc: <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên (Phụ lục III: Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế). + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (Phụ lục II: Danh sách các trường THPT chuyên, năng khiếu)

Bảng 2B: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của Phương thức xét tuyển thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021

Điểm quy đổi (ĐQĐ)	Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký năm lớp 10, 11, 12			Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu			
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ Lớp 12	IELTS (Academic)					Ba	Nhì	Nhất	Lớp		
					6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)				10	11	12
6.50 - 6.99	14	14	9												
7.00 - 7.49	15	15	10												
7.50 - 7.99	16	16	11												
8.00 - 8.49	17	17	12	12	14	16	18	20	10	15	20	2	2	1	
8.50 - 8.99	18	18	13												
9.00 - 9.49	19	19	14												
9.50 - 10.00	20	20	15												

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

1.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật.

Phân hiệu Vĩnh Long tuân thủ theo các chương trình đào tạo đã được ban hành của Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo tại cơ sở chính	Năm đào tạo tại phân hiệu
1	Quản trị kinh doanh	7340101	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1990	2020
2	Kinh doanh quốc tế	7340120	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2014	2020
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1976	2020
4	Kế toán	7340301	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1976	2020
5	Thương mại điện tử	7340122	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2014	2020
6	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	510/ĐHKT-ĐBCLPTCT	Trường tự chủ QĐ	2020	2021
7	Marketing	7340115	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2014	2021
8	Luật kinh tế	7380107	516/ĐHKT-ĐBCLPTCT	Trường tự chủ QĐ	2021	2021
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	2511/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2015	2021
10	Ngôn ngữ Anh	7220201	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2014	2021

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

- Tùy theo tình hình thực tế tuyển sinh, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long sẽ điều chỉnh chỉ tiêu giữa các phương thức cho phù hợp quy mô tuyển sinh

- Phân bổ chỉ tiêu đào tạo giữa các ngành/ chuyên ngành theo các phương thức tuyển sinh như sau:

T	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (Dự kiến)			Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo PT khác	Theo PT đặc cách tốt nghiệp THPT	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7620114	Kinh doanh nông nghiệp(*)	14	16	5	A00		A01		D01		D07	
2	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	41	44	5	A00		A01		D01		D07	
3	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	29	31	5	A00		A01		D01		D07	
4	Đại học	7340115	Marketing	31	34	5	A00		A01		D01		D07	
5	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	31	34	5	A00		A01		D01		D07	

T T	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (Dự kiến)			Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo PT khác	Theo PT đặc cách tốt nghệ THPT	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
6	Đại học	7340301	Kế toán	31	34	5	A00		A01		D01		D07	
7	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành(*)	19	21	5	A00		A01		D01		D07	
8	Đại học	7340122	Thương mại điện tử(*)	14	16	5	A00		A01		D01		D07	
9	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh(*)	14	16	5	D01		D96					
10	Đại học	7380107	Luật kinh tế	14	16	5	A00		A01		D01		D96	
			Tổng	238	262	50								

Ghi chú: (*) Các ngành có phạm vi tuyển sinh trong cả nước. Các ngành còn lại tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh DBSCL bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

1.5.1 Phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.5.2 Phương thức xét tuyển Học sinh Giỏi: Học sinh Giỏi hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2021.

1.5.3 Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn: Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

1.5.4 Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng chuyên ngành xét tuyển trên Công tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn sau khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, năm 2021.

1.5.5 Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 trên Công tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh www.tuyensinh.ueh.edu.vn và hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

1.5.6 Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021: Thí sinh có kết quả quá trình học tập từng năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 từ 6.5 trở lên và được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021.

1.6. Các thông tin cần thiết khác:

Mã trường, Mã ngành, Tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

1.6.1. Thông tin Trường (Phân hiệu)

- Tên trường: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM - PHÂN HIỆU VĨNH LONG**
- Mã trường: **KSV.**
- Địa chỉ: **Số 1B, Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.**
- Điện thoại: **0899.00.29.39 - 02703.823.443.**
- Website: www.vinhlong.ueh.edu.vn.
- Cổng thông tin tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.
- Thông tin ngành, mã đăng ký xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển, chỉ tiêu:

TT	Ngành	Chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị	7340101	A00, A01, D01, D07	95
2	Kinh doanh quốc tế	--	7340120	A00, A01, D01, D07	60
3	Marketing	--	7340115	A00, A01, D01, D07	70
4	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D07	70
5	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00, A01, D01, D07	70
6	Thương mại điện tử (*)	--	7340122	A00, A01, D01, D07 (Môn Toán hệ số 2)	35
7	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	7380107	A00, A01, D01, D96	35
8	Kinh doanh nông nghiệp (*)	--	7620114	A00, A01, D01, D07	35
9	Quản trị dịch vụ DL và lữ hành (*)	Quản trị lữ hành	7810103	A00, A01, D01, D07	45
10	Ngôn ngữ Anh (*)	Tiếng Anh thương mại	7220201	D01, D96 (Tiếng Anh hệ số 2)	35
Tổng cộng					550

❖ Tổ hợp xét tuyển:

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học.
- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D96: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh.

(*) Các ngành tuyển sinh phạm vi trong cả nước

1.6.2. Nguyên tắc xét tuyển

1.6.2.1 Nguyên tắc xét tuyển chung:

Các phương thức xét tuyển (PT1, PT2, PT3, PT4, PT5) trong tuyển sinh đại học năm 2021 của của UEH - Phân hiệu Vĩnh Long là độc lập, thí sinh có thể đăng ký nhiều phương thức khác nhau.

Trường hợp thí sinh trúng tuyển nhiều phương thức: Thí sinh xác nhận nhập học theo phương thức nào thì nhập học theo phương thức đó.

Đối với Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021: Thí sinh đã trúng tuyển các phương thức tuyển sinh khác thì không tham gia phương thức này.

a. Phương thức xét tuyển thẳng: Xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

b. Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực; *Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021*: Thí sinh đăng ký tối đa 02 nguyện vọng/phương thức cho tất cả các ngành, sắp xếp nguyện vọng (NV) từ cao xuống thấp (NV1 là NV cao nhất).

c. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: Xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.6.2.2 Nguyên tắc xét tuyển của từng phương thức

a. **Phương thức Xét tuyển thẳng**: Xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

b. Phương thức Xét tuyển học sinh Giỏi

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi theo thang điểm 100, cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như sau:

Bảng 3: Bảng điểm quy đổi ưu tiên đối tượng và khu vực của phương thức xét tuyển học sinh giỏi

Ưu tiên đối tượng		Ưu tiên khu vực	
Đối tượng	Điểm ưu tiên	Khu vực	Điểm ưu tiên
ĐT1 đến ĐT4	6.67	KV1	2.50
ĐT5 đến ĐT7	3.33	KV2-NT	1.67
		KV2	0.83
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi**: Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

c. Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn theo thang điểm 100, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như **Bảng 3**.

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

d. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức **đợt 1, năm 2021** theo thang điểm 1200 (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về thang điểm theo quy định UEH).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như sau:

Bảng 4: Bảng điểm quy đổi ưu tiên đối tượng và khu vực của phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực (theo thang điểm 1200)

Ưu tiên đối tượng		Ưu tiên khu vực	
Đối tượng	Điểm ưu tiên	Khu vực	Điểm ưu tiên
ĐT1 đến ĐT4	80	KV1	30
ĐT5 đến ĐT7	40	KV2-NT	20
		KV2	10
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng (Trong đó nguyện vọng 1 là cao nhất).

e. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân (quy đổi trong trường hợp tổ hợp xét tuyển có bài thi/môn thi tính hệ số) theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2021.

- Đối với từng ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021).

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long chỉ sử dụng kết quả điểm thi của bài thi, điểm thi các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 để xét tuyển. Không sử dụng kết quả miễn thi môn Ngoại ngữ (tiếng Anh).

- **Tiêu chí phụ trong Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:** Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự: 1. Kết quả bài thi Toán, 2. Kết quả bài thi tiếng Anh, 3. Thứ tự nguyện vọng.

f. Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021 theo thang điểm 100, cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như **Bảng 3**

- Mỗi thí sinh có 02 nguyện vọng cho tất cả các ngành, nguyện vọng 1 là cao nhất. Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

a. Phương thức xét tuyển thẳng: Thí sinh nộp hồ sơ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b. Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực; Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp năm 2021: Thí sinh xem hướng dẫn cụ thể trên Cổng thông tin tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh và Cổng thông tin tuyển

sinh của UEH – Phân hiệu Vĩnh Long tại địa chỉ www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.

c. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:

- Thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2021 tại các điểm tiếp nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2021 và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (nếu có) đối với từng chuyên ngành xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn

- Thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý chung:

- Sau khi UEH – Phân hiệu Vĩnh Long công bố kết quả trúng tuyển, thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đến UEH - Phân hiệu Vĩnh Long qua chuyên phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại Phân hiệu theo địa chỉ: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian quy định.

- Các mốc thời gian, địa điểm cụ thể được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn

1.8. Chính sách ưu tiên

Quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2021.

1.9. Lệ phí xét tuyển

- Phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: Thí sinh đóng lệ phí 25.000VNĐ/thí sinh/nguyện vọng.

- Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực; Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021: Thí sinh đóng lệ phí 30.000VNĐ/thí sinh/phương thức.

- Trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có), thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của UEH – Phân hiệu Vĩnh Long.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên ĐHCQ; lộ trình tăng học phí tối đa từng năm

Sinh viên học chương trình đại trà tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long sẽ có mức học phí bằng 80% học phí học tại Cơ sở chính TP. Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Chương trình	Năm 1 2021-2022	Năm 2 2022-2023	Năm 3 2023-2024	Năm 4 2024-2025
Đại trà	572.000đ/tín chỉ (khoảng 18,3 triệu/năm)	628.000đ/tín chỉ (khoảng 19,84 triệu/năm)	694.000đ/tín chỉ (khoảng 21,76 triệu/năm)	760.000đ/tín chỉ (khoảng 23,92 triệu/năm)

1.11. Các nội dung khác:

1.11.1 Học bổng:

a) Học bổng tuyển sinh:

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng
Học bổng xuất sắc	5	Tương đương 1.5 học phí học kỳ đầu Khóa học
Học bổng toàn phần	15	Tương đương học phí học kỳ đầu Khóa học
Học bổng bán phần	35	Tương đương 1/2 học phí học kỳ đầu Khóa học

b) Học bổng hỗ trợ học tập:

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng
Học bổng toàn phần	5	Tương đương học phí học kỳ đầu Khóa học
Học bổng bán phần	10	Tương đương 1/2 học phí học kỳ đầu Khóa học

Lưu ý:

- Giá trị học bổng tính theo học phí chương trình Chuẩn.
- Học bổng được xét theo thứ tự từ cao xuống thấp, được căn cứ vào điểm xét tuyển đầu vào theo chỉ tiêu phân bổ học bổng của Phân hiệu Vĩnh Long.
- Ngoài các suất học bổng trên, Phân hiệu Vĩnh Long dành học bổng cho 100% thí sinh trúng tuyển nhập học Ngành Kinh doanh nông nghiệp và Ngành Thương mại điện tử (suất học bổng tương đương 50% học phí học kỳ đầu tiên).

1.11.2. Chính sách miễn, giảm học phí:

Đối với các đối tượng chính sách: Trường thực hiện cấp bù học phí chênh lệch giữa mức thu học phí và mức hỗ trợ từ ngân sách.

1.11.3. Chính sách tín dụng học tập

Thông tin chi tiết tại website: <http://tthtsv.ueh.edu.vn/>

1.11.4 Ký túc xá

Phân hiệu Vĩnh Long có hệ thống KTX cho sinh viên theo học tại Phân hiệu. Sinh viên học tại Phân hiệu Vĩnh Long sẽ được miễn KTX 1 học kỳ đầu tiên của khóa học.

1.11.5 Cam kết về chất lượng

Các chương trình đào tạo ĐHCQ tại Phân hiệu Vĩnh Long hoàn toàn theo đúng các chương trình tiên tiến quốc tế của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM với đội ngũ giảng viên được huy động từ Trụ sở chính TP.HCM và bổ sung nguồn lực giảng viên đủ tiêu chuẩn tại Phân hiệu Vĩnh Long.

Phương châm truyền thông:

Học tại Vĩnh Long - Chất lượng, bằng cấp Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Tuyển sinh bổ sung đợt 1: UEH - Phân hiệu Vĩnh Long chỉ thực hiện tuyển sinh bổ sung đợt 1 trong trường hợp tuyển sinh đợt chính thức còn chỉ tiêu, tuyển sinh bổ sung đợt 1 thực hiện với các tiêu chí như sau:

1.12.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.12.2. Phạm vi tuyển sinh:

- **Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành:** Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Anh.

- **Các ngành khác:** Tuyển sinh đối với học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long)..

1.12.3. Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2021:** Thí sinh đạt yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

- **Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn:** Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (A00, A01, D01 hoặc D07) từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

1.12.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại Phân hiệu Vĩnh Long (trong đợt chính thức), Hội đồng Tuyển sinh xem xét, thông báo trên Cổng tuyển sinh www.tuyensinh.ueh.edu.vn Tab “Phân hiệu Vĩnh Long” hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.

1.12.5. Nguyên tắc tuyển sinh:

Điểm xét tuyển sẽ xét tuyển thí sinh có điểm từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình môn Toán lớp 12 từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.12.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thời gian đăng ký xét tuyển, kiểm tra năng lực tiếng Anh: Do Hiệu trưởng quy định, phù hợp phương thức tổ chức đào tạo, khung kế hoạch thời gian năm học tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.

1.12.7. Lệ phí xét tuyển:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất): Chưa có

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Phân hiệu: 17 tỷ đồng.

- Tổng chi phí đào tạo TB 1 SV/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 17.000.000 đồng.

2. Tuyển sinh Liên thông Đại học hệ chính quy

Thực hiện theo phương án tuyển sinh chung trong Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP. HCM đối với hệ Liên thông đại học hệ chính quy và theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long.

3. Tuyển sinh Đại học chính quy Văn bằng 2

Thực hiện theo phương án tuyển sinh chung trong Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM đối với hệ Văn bằng 2 đại học chính quy và theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long.

4. Tuyển sinh vừa làm vừa học

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

4.3. Phương thức tuyển sinh:

4.3.1. Phương thức tuyển thẳng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học;
- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Như phần III.1.3.1).

4.3.2. Phương thức xét tuyển

4.3.2.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT kể từ năm 2015.

- Các tổ hợp xét tuyển: Có 4 tổ hợp xét tuyển, gồm:

- Tổ hợp 1: Toán - Vật lý - Hóa học
- Tổ hợp 2: Toán - Vật lý - Tiếng Anh
- Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Tiếng Anh
- Tổ hợp 4: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh

4.3.2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung học (học bạ)

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT có tổng điểm trung bình 3 môn học của cả năm học lớp 12 thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

- Tổ hợp xét tuyển: Như 4 tổ hợp xét tuyển ở mục 4.3.2.1

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 150 chỉ tiêu

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Trường tự chủ QĐ	Năm đào tạo CSC
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	120	2445/QĐ-ĐHKY-ĐBCL	21/7/2016	2377/QĐ-TTg	2016
2.	7340301	Kế toán	30	2445/QĐ-ĐHKY-ĐBCL	21/7/2016	2377/QĐ-TTg	2016
Tổng			150				

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, Phân hiệu có thể sử dụng chỉ tiêu tuyển sinh hệ VLVH theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Thông báo cụ thể website <http://taichuc.ueh.edu.vn/> và www.vinhlong.ueh.edu.vn hoặc Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển

4.6.1. Thông tin trường:

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH – PHÂN HIỆU VĨNH LONG.
- Địa chỉ: 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Mã trường: KSV.
- Điện thoại: (0270) 3823 443; Hotline: 0988 00 29 39.

4.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Tổ chức tuyển sinh 4 đợt, vào các tháng 3, 6, 9, 12.
- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website <http://taichuc.ueh.edu.vn/> và www.vinhlong.ueh.edu.vn hoặc Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn.
- Hồ sơ dự tuyển gồm có:
 - + Phiếu tuyển sinh (theo mẫu của UEH);
 - + Đối với thí sinh diện tuyển thẳng: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp đại học và 01 bản sao Bảng điểm toàn khóa học;
 - + Đối với thí sinh diện xét tuyển: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) và 01 bản sao học bạ THPT.
 - + 01 bản sao giấy khai sinh;
 - + 01 Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học ĐH Vừa làm vừa học dán 01 ảnh 3x4.

4.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của UEH.

4.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 100.000đồng/hồ sơ (dự kiến), Trường sẽ có thông báo cụ thể trên Website <http://taichuc.ueh.edu.vn/> và www.vinhlong.ueh.edu.vn tại mục Tuyển sinh.

4.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí dự kiến: 540.000 đồng/tín chỉ (tùy theo lộ trình sẽ có mức điều chỉnh trong ngưỡng 15%/năm).

4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh trong năm: vào các tháng 3, 6, 9, 12.

5. Tuyển sinh Liên thông đại học hệ Vừa làm vừa học:

5.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp.

5.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước

5.3. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

- Đối với thí sinh liên thông đúng ngành: Trường xét điểm trung bình toàn khóa bậc học Cao đẳng hoặc Trung cấp;

- Đối với thí sinh liên thông ngành gần, ngành khác: Trường xét điểm trung bình toàn khóa bậc học Cao đẳng hoặc Trung cấp từ cao xuống thấp, đồng thời điểm các môn học bổ túc mỗi môn đạt từ 5.0 điểm trở lên đến khi đủ chỉ tiêu.

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 30 chỉ tiêu

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.	LTCĐ	7340101	Quản trị kinh doanh	20	2447/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	21/7/2016	2377/QĐ-TTg	2016
2.	LTCĐ	7340301	Kế toán	15	2447/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	21/7/2016	2377/QĐ-TTg	2016
Tổng				35				

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, Phân hiệu có thể sử dụng chỉ tiêu tuyển sinh hệ VLVH theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website www.tuyensinh.ueh.edu.vn

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển:

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH – PHÂN HIỆU VĨNH LONG.
- Địa chỉ: 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Mã trường: KSV.
- Điện thoại: (0270) 3823 443; Hotline: 0988 00 29 39.

5.7. Tổ chức tuyển sinh: Tổ chức tuyển sinh 4 đợt, vào các tháng 3, 6, 9, 12.

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- + Phiếu tuyển sinh (theo mẫu của UEH);
- + Ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng hoặc Trung cấp. *Trường hợp thí sinh có bằng Cao đẳng nghề hoặc Trung cấp nghề thì bổ sung thêm bằng tốt nghiệp THPT;*
- + Bản sao Bảng điểm toàn khóa học.
- + Bản sao giấy khai sinh;
- + Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học đại học Vừa làm vừa học dán 01 ảnh cỡ 3x4.

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website <http://taichuc.ueh.edu.vn/> hoặc Công tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

5.8. Lệ phí xét tuyển dự kiến: 100.000 đồng/hồ sơ

5.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí dự kiến: 540.000 đồng/ tín chỉ

5.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh trong năm: vào các tháng 3, 6, 9, 12

6. Tuyển sinh đặt hàng

Theo phương án thống nhất với các đơn vị liên quan và thông báo cụ thể trên Cổng tuyển sinh <http://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn (nếu có).

**PHÒNG TUYỂN SINH TT
PHÓ PHÒNG
Kê khai**

Nguyễn Thái Bình

GIÁM ĐỐC



TS. Bùi Quang Hùng

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Ban Giám Hiệu UEH;
- Ban giám đốc PHVL;
- Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, TSTT.





Phụ lục I

Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ Đại học

(Kèm theo Đề án số: 117/ĐA-PHVL ngày 04 tháng 8 năm 2021
của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Phân hiệu Vĩnh Long)

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Đại học	
							Mã	Tên ngành
1	Đặng Thị Bảo Ngọc	Nữ	Giảng viên	Đại học	Kế toán kiểm toán	x		
2	Hồ Kim Thanh	Nữ	Giảng viên	Đại học	Anh văn	x		
3	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho những người nói các ngôn ngữ khác	x		
4	Lê Trọng Hưng	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC	x		
5	Nguyễn Ngọc Thọ	Nam	Giảng viên	Đại học	Kế toán	x		
6	Trần Thị Tiếp	Nữ	Giảng viên	Đại học	Anh văn	x		
7	Võ Anh Tài	Nam	Giảng viên	Đại học	Giáo dục thể chất	x		
8	Dương Nguyễn Thanh Phương	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Đánh giá đo lường CL		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
9	Lê Duy Đồng	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
10	Lê Hoàng Sơn	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Khai thác tri thức từ dữ liệu		7340405	Hệ thống thông tin quản lý

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Đại học	
							Mã	Tên ngành
11	Lê Thành Trung	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
12	Lê Thị Hồng Gấm	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
13	Nguyễn Đại Sơn	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
14	Nguyễn Lý Kiều Chinh	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán học		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
15	Nguyễn Thị Xuân Đào	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
16	Phan Thị Thúy Kiều	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
17	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán học		7340405	Hệ thống thông tin quản lý
18	Hồ Thiện Quyền	Nam	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kế toán		7340301	Kế toán
19	Lê Hoàng Phúc	Nam	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Kế toán		7340301	Kế toán
20	Lê Thanh Mỹ	Nữ	Giảng viên	Đại học	Kế toán		7340301	Kế toán
21	Nguyễn Hồng Nga	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán		7340301	Kế toán
22	Trần Thị Ánh Hồng	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán		7340301	Kế toán
23	Vũ Kiến Phúc	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán		7340301	Kế toán
24	Bùi Thanh Linh Tuyền	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340120	Kinh doanh quốc tế
25	Đặng Thùy Linh	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Thương mại		7340120	Kinh doanh quốc tế

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Đại học	
							Mã	Tên ngành
26	Ngô Thị Thoại An	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
27	Nguyễn Văn Rót	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		7340120	Kinh doanh quốc tế
28	Trần Thị Lan Thảo	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Thương mại		7340120	Kinh doanh quốc tế
29	Trương Huỳnh Anh	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
30	Huỳnh Quang Duy	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		7310101	Kinh tế
31	Lê Hương Bình	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản lý tiền tệ và tài chính		7310101	Kinh tế
32	Phan Thị Hà	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Triết học		7310101	Kinh tế
33	Trần Văn Viễn	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Chính trị học		7310101	Kinh tế
34	Nguyễn Đức Việt	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh và Cử nhân luật		7380107	Luật kinh tế
35	Nguyễn Ngọc Bảo Trúc	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật Kinh tế		7380107	Luật kinh tế
36	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật học		7380107	Luật kinh tế
37	Phan Ngọc Mai	Nữ	Giảng viên	Đại học	Luật học		7380107	Luật kinh tế
38	Phan Thị Thanh Quyên	Nữ	Giảng viên	Đại học	Luật		7380107	Luật kinh tế
39	Võ Thanh Trúc	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340115	Marketing
40	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340115	Marketing
41	Trần Ngọc Hòa	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		7340115	Marketing

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Đại học	
							Mã	Tên ngành
42	Hồ Thị Phương Nam	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
43	Nguyễn Phương Chi	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
44	Đặng Thị Thúy An	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
45	Nguyễn Đình Thi	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
46	Phạm Minh Triết	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Du lịch		7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
47	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340101	Quản trị kinh doanh
48	Nguyễn Trung Tiến	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
49	Nguyễn Vũ Trâm Anh	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
50	Phan Thị Tiêm	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
51	Trần Thị Mỹ Liên	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340101	Quản trị kinh doanh
52	Trương Thị Hoàng Oanh	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Đại học	
							Mã	Tên ngành
53	Đoàn Thị Thanh Hòa	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
54	Lâm Thị Trúc Linh	Nữ	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Kế toán		7340201	Tài chính - Ngân hàng
55	Lê Tuấn Mạnh	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
56	Nguyễn Đức Vinh	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
57	Nguyễn Quốc Bình	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
58	Nguyễn Thị Thý Liễu	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
59	Phạm Ngọc Phong	Nam	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
60	Trần Thị Hồng Cúc	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng
61	Trương Thị Nhi	Nữ	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		7340201	Tài chính - Ngân hàng



Phụ lục II: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU
Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi,
Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn
tuyển sinh Đại học năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Đề án số: 117 /ĐA-PHVL ngày 04 tháng 8 năm 2021
 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh - Phân hiệu Vĩnh Long)

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
1	01009	THPT chuyên Đại học Sư phạm	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
2	01010	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
3	01013	THPT chuyên Ngữ ĐH Ngoại ngữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
4	01011	THPT chuyên Khoa học tự nhiên	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	
5	01012	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông	
6	02004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Quận 1	
7	02016	THPT chuyên Lê Hồng Phong	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
8	02019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
9	03013	THPT chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Hải An	
10	04005	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	
11	05012	THPT chuyên Hà Giang	Hà Giang	Thành phố Hà Giang	
12	06004	THPT chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	
13	07001	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	Thành Phố Lai Châu	
14	08018	THPT chuyên Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	
15	09009	THPT chuyên Tuyên Quang	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	
16	10002	THPT chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	
17	11019	THPT chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	
18	12010	THPT chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	
19	13001	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	
20	14004	THPT chuyên Sơn La	Sơn La	Thành phố Sơn La	
21	15001	THPT chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	
22	16012	THPT chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Thành phố Vĩnh Yên	
23	17001	THPT chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	
24	18012	THPT chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
25	19009	THPT chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	
26	21013	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	TP.Hải Dương	
27	22011	THPT chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	
28	23012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	
29	24011	THPT chuyên Biên Hòa	Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	
30	25002	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	Thành phố Nam Định	
31	26002	THPT chuyên Thái Bình	Thái Bình	Thành phố Thái Bình	
32	27011	THPT chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	
33	28010	THPT chuyên Lam Sơn	Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	
34	29006	THPT chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	Thành phố Vinh	
35	29007	THPT chuyên ĐH Vinh	Nghệ An	Thành phố Vinh	
36	30040	THPT chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	
37	31004	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	
38	32024	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	
39	33001	THPT chuyên Quốc Học	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
40	33010	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
41	34007	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ	
42	34010	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	Thành phố Hội An	
43	35013	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	
44	36003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	Thành phố Kon Tum	
45	37003	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	
46	37081	THPT chuyên Chu Văn An	Bình Định	Hoài Nhơn	
47	38005	THPT chuyên Hùng Vương	Gia Lai	Thành phố Pleiku	
48	39005	THPT chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	
49	40024	THPT chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	
50	41017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hoà	Thành phố Nha Trang	
51	42008	THPT chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	
52	42093	THPT chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	
53	43003	THPT chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	
54	43042	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long	

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
55	44002	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một	
56	45017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	
57	46003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	
58	47013	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	
59	48001	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	
60	49060	THPT chuyên Long An	Long An	Thành phố Tân An	
61	49072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa	
62	50016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	
63	50023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	
64	51002	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	Thành phố Long Xuyên	
65	51008	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	Thành phố Châu Đốc	
66	52004	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa- Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	
67	53016	THPT chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	
68	54002	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	
69	55013	THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Bình Thủy	
70	56030	THPT chuyên Bến Tre	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	
71	57015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	
72	58012	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	
73	59003	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng	
74	60009	THPT chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	
75	61016	THPT chuyên Phan Ngọc Hiền	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	
76	62002	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	
77	63037	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	
78	64039	THPT chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh	

Phụ lục III: BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh giỏi, Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn tuyển sinh Đại học năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – Phân hiệu Vĩnh Long
 (Kèm theo Đề án số: /ĐA-PHVL ngày tháng 8 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Phân hiệu Vĩnh Long)

IELTS (Academic)	TOEFL iBT
9.0	118 - 120
8.5	115 - 117
8.0	112 - 114
7.5	105 - 111
7.0	96 - 104
6.5	85 - 95
6.0	73 - 84